

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ III/2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>279.213.290.500</b>	<b>243.261.114.395</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>21.798.278.111</b>	<b>15.074.159.158</b>
Tiền	111		21.798.278.111	10.074.159.158
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>81.600.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	81.600.000.000	35.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>132.675.481.543</b>	<b>117.768.526.105</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	82.452.521.212	108.193.474.442
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	26.816.918.975	7.086.198.066
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	24.018.378.393	3.130.288.460
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(612.337.037)	(641.434.863)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.657.576.667</b>	<b>71.676.034.188</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	39.657.576.667	71.676.034.188
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.481.954.179</b>	<b>3.742.394.944</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.433.088.351	3.742.394.944
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		48.865.828	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>68.552.307.306</b>	<b>85.010.394.057</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.300.739.001</b>	<b>48.306.455.908</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	49.300.739.001	48.306.455.908
- Nguyên giá	222		54.852.741.063	52.451.923.295
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.552.002.062)	(4.145.467.387)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.820.534.727</b>	<b>9.668.541.305</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.10	17.820.534.727	9.668.541.305
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>25.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	25.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.431.033.578</b>	<b>2.035.396.844</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.431.033.578	2.035.396.844
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>347.765.597.806</b>	<b>328.271.508.452</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>54.019.138.237</b>	<b>61.082.906.305</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.019.138.237</b>	<b>61.082.906.305</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	27.260.568.804	25.612.822.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	10.497.366.202	10.746.571.574
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	13.909.360.302	13.697.144.995
Phải trả người lao động	314		424.522.730	1.449.525.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	8.043.356.078
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	289.255.932	21.369.774
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.638.064.267	1.512.116.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>293.746.459.569</b>	<b>267.188.602.147</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	293.746.459.569	267.188.602.147
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.210.847.450	66.547.443.814
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.758.536.246	15.590.589.410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.452.311.204	50.956.854.404
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.535.612.119	641.158.333
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>347.765.597.806</b>	<b>328.271.508.452</b>

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

  
 Hồ Lanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
 Trần Hữu Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2019	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019	Quý III Năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	132.921.873.883	380.778.417.984	121.815.949.506	312.699.346.192
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	6.1	132.921.873.883	380.778.417.984	121.815.949.506	312.699.346.192
Giá vốn hàng bán	11	6.2	103.436.520.890	309.421.307.343	102.256.221.537	257.850.005.725
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		29.485.352.993	71.357.110.641	19.559.727.969	54.849.340.467
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.035.629.172	3.272.606.819	8.230.037.619	9.412.484.228
Chi phí tài chính	22		-	2.227.455	-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.227.455	-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	713.210.707	2.309.858.405	939.997.217	4.423.874.236
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.795.885.165	19.040.331.124	5.696.105.796	16.753.829.858
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		23.011.886.293	53.277.300.476	21.153.662.575	43.084.120.601
Thu nhập khác	31		26.241.378	33.735.940	60.000.276	64.179.483
Chi phí khác	32	6.6	376.100.814	1.052.385.360	372.132.209	705.147.841
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		(349.859.436)	(1.018.659.420)	(312.131.933)	(640.968.358)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		22.662.026.857	52.258.641.056	20.841.530.642	42.443.152.243
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	4.549.732.078	10.600.783.638	4.227.933.142	8.578.135.789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		18.112.294.779	41.657.857.418	16.613.597.500	33.865.016.454
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		17.900.747.520	41.452.311.204	16.575.206.997	33.817.608.779
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		211.547.259	205.546.214	38.390.503	47.407.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	906	2.083	831	1.693
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		906	2.083	831	1.693

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hà Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý III năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	52.258.641.056	42.243.152.245
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.298.503.003	1.351.572.490
- Các khoản dự phòng	03	(29.097.826)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.036.647.874)	(4.412.484.228)
- Chi phí lãi vay	06	2.227.455	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.493.625.814	39.182.240.507
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.367.723.944)	(25.727.504.747)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32.018.457.521	(14.761.631.067)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.527.741.117)	18.420.064.033
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	604.363.266	(26.146.626)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.227.455)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.938.210.566)	(3.016.230.897)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(200.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>53.080.543.519</b>	<b>14.070.791.203</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.938.122.294)	(12.929.840.558)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	909.090.909	1.518.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81.600.000.000)	(51.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	56.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	26.250.000.000	(25.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.022.606.819	4.412.484.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.356.424.566)</b>	<b>(26.999.356.330)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý III năm 2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.451.823.596	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.451.823.596)	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>15.074.159.158</b>	<b>25.519.623.995</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>21.798.278.111</b>	<b>12.591.058.868</b>

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

  
 Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



  
 TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Trần Hữu Đông



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/09/2019

#### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

##### Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty.

##### Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	95,00%	95,00%



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2019

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

## 3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/09/2019 của Nhóm Công ty.

### 4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và hai công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

Cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **4.3. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/09/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.5. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2019

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### 4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |                    |   |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa         | Bình quân gia quyền   |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2019

#### 4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Tài sản cố định hữu hình*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

#### 4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

#### 4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2019

- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **4.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.12. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2019

#### 4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2018 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Các quỹ***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.17. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...



---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

---

**4.18. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.19. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

---

**4.20. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt	8.122.442.322	9.354.689.632
Tiền gửi ngân hàng	13.675.835.789	719.469.526
Các khoản tương đương tiền (i)	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.798.278.111</b>	<b>15.074.159.158</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.600.000.000	81.600.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.600.000.000</b>	<b>81.600.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	<b>82.452.521.212</b>	48.331.651.139
- Công ty CP Phát triển địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	-
- Công ty TNHH MTV VINSCHOOL	5.807.762.656	-
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	4.468.512.795	12.055.883.018
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	19.662.970.660	-
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	7.600.118.765	-
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	4.081.837.100	-
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	3.029.573.255	-
- Tập đoàn VINGROUP - Cty CP	4.921.214.367	47.805.940.285
- Các khách hàng khác	23.280.531.614	<b>108.193.474.442</b>
<b>Cộng</b>	<b>82.452.521.212</b>	<b>48.331.651.139</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty cổ phần bê boi thông minh SPOOL	6.528.876.370	-
- Công ty CP thương mại và phát triển công nghệ YTC Việt Nam	2.335.818.439	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại INBUS	10.000.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Và Xây Lắp Long Biên	2.381.075.441	2.086.387.411
- Các nhà cung cấp khác	5.571.148.725	4.999.810.655
<b>Cộng</b>	<b>26.816.918.975</b>	<b>7.086.198.066</b>

**5.5 Phải thu khác***Phải thu ngắn hạn khác*

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tạm ứng</b>	<b>13.889.489.285</b>	-	<b>2.630.054.478</b>	-
<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>10.120.461.393</b>	-	<b>451.560.992</b>	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.389.007	-	3.389.007	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	9.688.104.893	-	244.871.985	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	428.967.493	-	203.300.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>8.427.715</b>	-	<b>48.672.990</b>	-
- Phải thu khác	8.427.715	-	48.672.990	-
<b>Cộng</b>	<b>24.018.378.393</b>	-	<b>3.130.288.460</b>	-

**5.6 Nợ xấu**

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:</b>	<b>712.860.983</b>	<b>100.523.946</b>	<b>771.056.635</b>	<b>129.621.772</b>
<b>Từ 03 năm trở lên</b>	<b>511.813.091</b>	-	<b>511.813.091</b>	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.091	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Từ 02 đến dưới 03 năm</b>	<b>201.047.892</b>	<b>100.523.946</b>	<b>259.243.544</b>	<b>129.621.772</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	37.818.605	75.637.210	37.818.605
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	6.987.700	13.975.400	6.987.700
- Công ty TNHH Linh Chi	-	-	58.195.652	29.097.826
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	39.718.837	79.437.673	39.718.837
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	15.998.805	31.997.609	15.998.805
<b>Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>				
		<b>Quý III năm 2019 (VND)</b>		<b>Năm 2018 (VND)</b>
Số đầu năm		641.434.863		516.268.874
Trích lập dự phòng trong kỳ		-		125.165.989
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ		29.097.826		-
<b>Số cuối năm</b>		<b>612.337.037</b>		<b>641.434.863</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	202.167.245	-	1.980.184.229	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.723.258.760	-	51.660.972.384	-
- Hàng hóa	13.732.150.662	-	18.034.877.575	-
<b>Cộng</b>	<b>39.657.576.667</b>	<b>-</b>	<b>71.676.034.188</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước****Chi phí trả trước dài hạn**

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	30/09/2019 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.035.396.844	593.483.565	(1.197.846.831)	1.431.033.578
<b>Cộng</b>	<b>2.035.396.844</b>	<b>593.483.565</b>	<b>(1.197.846.831)</b>	<b>1.431.033.578</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
<b>Nguyên giá</b>					
01/01/2019	41.561.395.574	6.314.925.046	3.979.509.764	596.092.911	52.451.923.295
Tăng trong kỳ	-	4.437.835.950	-	-	4.437.835.950
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.037.018.182)	-	(2.037.018.182)
<b>30/09/2019</b>	<b>41.561.395.574</b>	<b>10.752.760.996</b>	<b>1.942.491.582</b>	<b>596.092.911</b>	<b>54.852.741.063</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
01/01/2019	2.204.277.915	498.227.889	1.403.222.055	39.739.527	4.145.467.387
Khấu hao trong kỳ	1.362.752.889	480.477.263	410.565.881	44.706.970	2.298.503.003
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(891.968.328)	-	(891.968.328)
<b>30/09/2019</b>	<b>3.567.030.804</b>	<b>978.705.152</b>	<b>921.819.608</b>	<b>84.446.497</b>	<b>5.552.002.062</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/01/2019	39.357.117.659	5.816.697.157	2.576.287.709	556.353.384	48.306.455.908
<b>30/09/2019</b>	<b>37.994.364.770</b>	<b>9.774.055.844</b>	<b>1.020.671.974</b>	<b>511.646.414</b>	<b>49.300.739.001</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC	9.895.277.668	9.668.541.305
- Mua sàn văn phòng Hồ Gươm Plaza	7.925.257.059	-
<b>Cộng</b>	<b>17.820.534.727</b>	<b>9.668.541.305</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP TV và GPTV ANSLOG	1.180.088.649	1.180.088.649	1.856.702.294	1.856.702.294
- Công ty TNHH FLUIDRA Việt Nam	1.310.872.272	1.310.872.272	735.469.298	735.469.298
- Công ty cổ phần tập đoàn Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	-	-
- Công ty TNHH TM và SX Thép Tuấn Anh	1.870.000.132	1.870.000.132	-	-
- Công ty TNHH TM và DV TĐ Anh Quân	2.538.995.217	2.538.995.217	-	-
- Các nhà cung cấp khác	16.343.734.748	16.343.734.748	23.020.650.493	23.020.650.493
<b>Cộng</b>	<b>27.260.568.804</b>	<b>27.260.568.804</b>	<b>25.612.822.085</b>	<b>25.612.822.085</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	3.808.778.283	-
- Công ty CP Tập đoàn Sunshine	883.484.957	-
- Công ty TNHH Việt nam Grand Prix	1.567.609.376	-
- Công ty CP Du lịch Mỹ An	999.292.826	-
- Các khách hàng khác	3.238.200.760	10.746.571.574
<b>Cộng</b>	<b>10.497.366.202</b>	<b>10.746.571.574</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/09/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<b>(VND)</b>		<b>(VND)</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
- Thuế giá trị gia tăng	3.156.984.581	3.156.984.581	3.519.330.782	3.519.330.782
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.600.783.638	10.600.783.638	9.925.619.343	9.925.619.343
- Thuế thu nhập cá nhân	42.281.270	42.281.270	252.194.870	252.194.870
- Các loại thuế khác	109.310.813	109.310.813	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.909.360.302</b>	<b>13.909.360.302</b>	<b>13.697.144.995</b>	<b>13.697.144.995</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Bảo hiểm xã hội	147.147.405	21.369.774
- Bảo hiểm y tế	77.382.732	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	33.980.750	-
- Bảo hiểm tai nạn lao động	8.337.705	-
- Bảo hiểm tai nạn lao động	22.407.340	-
<b>Cộng</b>	<b>289.255.932</b>	<b>21.369.774</b>

**5.15 Dự phòng phải trả**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.638.064.267	1.512.116.799
<b>Cộng</b>	<b>1.638.064.267</b>	<b>1.512.116.799</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**5.16 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
01/01/2018	200.000.000.000	15.790.589.410	600.354.719	216.390.944.129
Lợi nhuận trong năm trước	-	50.956.854.404	40.803.614	50.997.658.018
Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS theo BB hợp ĐH Cổ đồng thường niên số 01/2018 ngày 17/3/2018	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
<b>31/12/2018</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>66.547.443.814</b>	<b>641.158.333</b>	<b>267.188.602.147</b>
01/01/2019	200.000.000.000	66.547.443.818	641.158.333	267.188.602.151
Tăng vốn của cổ đồng không kiểm soát	-	-	5.100.000.000	5.100.000.000
Lợi nhuận kỳ này	-	41.452.311.204	205.546.214	41.657.857.418
Chi ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Thù lao HĐQT và BKS	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
<b>30/09/2019</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>87.799.755.022</b>	<b>5.946.704.547</b>	<b>293.746.459.569</b>

**Cổ phiếu**

	<b>30/09/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>30/09/2019</b> (VND)	<b>01/01/2019</b> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Trả cổ tức năm 2018</b>	<b>20.000.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>132.921.873.883</b>	<b>380.778.417.984</b>	<b>121.815.949.506</b>	<b>312.699.346.192</b>
Doanh thu bán hàng hóa	6.081.139.943	110.520.291.174	75.548.710.912	131.275.200.825
- Doanh thu bán thành phẩm	9.719.037.273	19.141.504.488	1.856.234.264	1.983.083.992
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	117.121.696.667	251.116.622.322	44.366.004.330	178.336.083.101
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	47.000.000	1.104.978.274
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>132.921.873.883</b>	<b>380.778.417.984</b>	<b>121.815.949.506</b>	<b>312.699.346.192</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	5.766.204.810	107.610.308.404	73.718.349.519	127.281.416.456
- Giá vốn bán thành phẩm	6.803.326.092	14.732.321.190	1.824.934.928	2.166.609.436
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	90.866.989.988	187.078.677.749	26.712.937.090	128.401.979.833
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.436.520.890</b>	<b>309.421.307.343</b>	<b>102.256.221.537</b>	<b>257.850.005.725</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
- Lãi tiền gửi	1.025.232.618	2.007.862.878	230.037.619	1.412.484.228
- Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính	-	1.250.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	10.396.554	14.743.941	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.035.629.172</b>	<b>3.272.606.819</b>	<b>8.230.037.619</b>	<b>9.412.484.228</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**6.4. Chi phí bán hàng**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
- Chi phí vật liệu	-	-	-	12.663.200
- Chi phí bảo hành công trình	235.637.465	646.927.446	257.201.026	538.789.546
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.373.242	992.130.959	682.796.191	3.872.421.490
- Chi phí bằng tiền khác	171.200.000	670.800.000	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>713.210.707</b>	<b>2.309.858.405</b>	<b>939.997.217</b>	<b>4.423.874.236</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.168.735.377	11.759.936.237	3.632.572.383	10.530.616.717
- Chi phí đồ dùng quản lý	169.313.335	787.979.441	95.870.619	635.581.483
- Chi phí khấu hao TSCĐ	583.911.491	1.610.367.257	430.175.222	1.185.250.113
- Thuế phí lệ phí	336.484.637	529.249.508	60.457.771	171.751.438
- Hoàn nhập, trích lập dự phòng	-	(29.097.826)	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.355.728.688	3.761.153.856	1.381.045.846	3.757.885.433
- Chi phí bằng tiền khác	181.711.637	620.742.651	95.983.955	472.744.674
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.795.885.165</b>	<b>19.040.331.124</b>	<b>5.696.105.796</b>	<b>16.753.829.858</b>

**6.6. Chi phí khác**

	Quý III năm 2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Quý III năm 2018 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
- Lỗi thanh lý tài sản cố định	235.958.945	235.958.945	-	-
- Phạt vi phạm quy chế lao động tại công trường	104.161.547	308.161.547	26.510.637	44.624.000
- Phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	20.877.839	168.983.137	252.286.434	252.837.647
- Chi phí khác	15.102.483	339.291.731	93.335.138	407.686.194
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>376.100.814</b>	<b>1.052.395.360</b>	<b>372.132.209</b>	<b>705.147.841</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	9 tháng đầu năm 2019 (VND)	9 tháng đầu năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.600.783.638	4.350.202.647
<b>Cộng</b>	<b>10.600.783.638</b>	<b>4.350.202.647</b>

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:*

	9 tháng đầu năm 2019 (VND)	9 tháng đầu năm 2018 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	9.980.819.710	7.392.943.920
Phát sinh tại công ty con	619.963.928	1.185.191.869
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	569.421.358	1.185.191.869
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC PARK	24.071.381	-
Công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC	26.471.189	-
<b>Cộng</b>	<b>10.600.783.638</b>	<b>8.578.135.789</b>

**6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019 (VND)	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.657.857.418	33.865.016.454
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.657.857.418	33.865.016.454
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.083</b>	<b>1.693</b>

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý III năm 2019

**7 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có**

**7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Hồ Thanh Ngân*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Vũ Thị Nga*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Trần Hữu Đông*